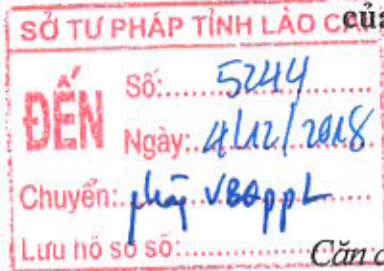


Số: 41 /2018/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 30 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh Lào Cai



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật cán bộ công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Bộ Tư pháp; Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Sở Nội vụ (03);
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3 (QĐ);
- Đài PTTH tỉnh;
- Báo Lào Cai;
- Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Xuân Phong

QUY ĐỊNH

**Tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm
của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh Lào Cai**
(Kèm theo Quyết định số 41 /2018/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định các tiêu chí, trình tự, thủ tục đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh Lào Cai trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh Lào Cai (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện);

b) Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thẩm định, đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của UBND cấp huyện thuộc tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Mục đích đánh giá

1. Thông qua đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm phản ánh đúng mức độ, hiệu quả hoạt động của UBND cấp huyện trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Từ đó đề ra các giải pháp để phát huy những mặt tích cực, khắc phục mặt hạn chế, yếu kém trong hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND cấp huyện.

2. Kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của UBND cấp huyện là một trong những căn cứ để xét khen thưởng đối với UBND và Chủ tịch UBND cấp huyện.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm

1. Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của UBND cấp huyện, được tổ chức định kỳ hằng năm phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được quy định tại các văn bản pháp luật của Nhà nước, của tỉnh và những công việc được

giao trong thực tiễn hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh và các tiêu chí đánh giá được quy định tại văn bản này.

2. Việc đánh giá phải đảm bảo toàn diện, chính xác, khách quan, khoa học, công khai, công bằng, dân chủ, phản ánh đúng những kết quả đã đạt được trong năm của UBND cấp huyện, đồng thời kiểm điểm làm rõ số lượng, khối lượng công việc chưa hoàn thành trong năm của đơn vị và đề ra giải pháp khắc phục trong năm tiếp theo.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Đăng ký kế hoạch công tác năm của UBND cấp huyện và dự kiến kết quả đạt được

1. Nội dung đăng ký và dự kiến kết quả đạt được:

- a) Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm đánh giá;
- b) Kế hoạch thực hiện các đề án, dự án..., chiến lược phát triển của địa phương;
- c) Kế hoạch công tác theo chức năng, nhiệm vụ được giao (nhiệm vụ thường xuyên của đơn vị);
- d) Kế hoạch về công tác cải cách hành chính;
- đ) Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin;
- e) Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.
- g) Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra.

2. Thời gian đăng ký kế hoạch công tác:

UBND cấp huyện đăng ký và gửi dự thảo kế hoạch về: Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Vận tải - Xây dựng; Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh để thẩm định. Thời gian, chậm nhất ngày 31/12 hằng năm.

3. Thẩm định dự thảo kế hoạch công tác:

a) Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Vận tải - Xây dựng; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh phải thẩm định xong các mục tiêu đăng ký và các chỉ số đầu ra (theo lĩnh vực ngành phụ trách) trong kế hoạch công tác của UBND cấp huyện;

b) Cơ quan thẩm định có thể kiến nghị với cơ quan đăng ký kế hoạch xem xét điều chỉnh bổ sung những nội dung còn thiếu, những nội dung chưa phù hợp, các chỉ số đầu ra khó đo lường về các nội dung thuộc thẩm quyền giám sát;

c) Kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản và gửi cho UBND cấp huyện trước ngày 20 tháng 01 của năm kế hoạch;

d) Căn cứ kết quả thẩm định của cơ quan quy định tại điểm a khoản này, UBND cấp huyện hoàn chỉnh kế hoạch công tác năm, ký ban hành và tổ chức thực hiện. Kế hoạch này được gửi đến các cơ quan quy định tại điểm a khoản này để theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện.

Điều 5. Nội dung, tiêu chí đánh giá và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm

1. Nội dung và tiêu chí đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quy định này.

2. Xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của UBND cấp huyện, gồm 04 mức:

- a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- c) Hoàn thành nhiệm vụ;
- d) Không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 6. Xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: UBND cấp huyện xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khi đảm bảo các điều kiện sau:

- a) Có tổng số điểm theo Phụ lục số 01 đạt từ 96 điểm trở lên;
- b) Các tiêu chí quy định tại mục IV của Phụ lục số 01 không có điểm không và đạt từ 40 điểm trở lên;

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ: UBND cấp huyện xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ khi đảm bảo các điều kiện sau:

- a) Có tổng số điểm theo Phụ lục số 01 đạt từ 85 điểm đến dưới 96 điểm;
- b) Các tiêu chí quy định tại mục IV của Phụ lục số 01 không có điểm không và đạt từ 35 điểm trở lên.

3. Hoàn thành nhiệm vụ: UBND cấp huyện xếp loại hoàn thành nhiệm vụ thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Có tổng số điểm theo Phụ lục số 01 đạt từ 70 điểm đến dưới 85 điểm;
- b) Các tiêu chí quy định tại mục IV của Phụ lục số 01 đạt từ 30 điểm trở lên.

4. Không hoàn thành nhiệm vụ: UBND cấp huyện xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Có tổng số điểm theo Phụ lục số 01 đạt dưới 70 điểm;
- b) Không nộp hồ sơ đề nghị đánh giá xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ năm của cơ quan, đơn vị theo quy định.

5. Đơn vị tiêu biểu xuất sắc:

Số lượng UBND cấp huyện được bình bầu danh hiệu tiêu biểu xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ năm không quá 02 đơn vị và đảm bảo các điều kiện sau:

- a) UBND cấp huyện được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- b) Các tiêu chí quy định tại mục IV của Phụ lục số 01 đạt tối đa 45 điểm;
- c) Có tổng điểm được Hội đồng đánh giá cấp tỉnh đánh giá đạt 98 điểm trở lên.

Điều 7. Quy trình đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của UBND cấp huyện

1. Việc đánh giá, xếp loại UBND cấp huyện thực hiện theo thứ tự, gồm:

a) UBND cấp huyện tự đánh giá (do Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của UBND cấp huyện thực hiện);

b) Tổ thẩm định giúp việc Hội đồng đánh giá cấp tỉnh (sau đây viết tắt là Tổ thẩm định) tổng hợp, thẩm định, lập hồ sơ trên cơ sở kết quả tự đánh giá của UBND cấp huyện, tài liệu kiểm chứng và kết quả theo dõi, tổng hợp lĩnh vực ngành;

c) Hội đồng đánh giá cấp tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở hồ sơ đề nghị của UBND cấp huyện và kết quả thẩm định của cơ quan thẩm định.

2. UBND cấp huyện tự đánh giá, xếp loại:

a) Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của UBND cấp huyện, thành phần Hội đồng đánh giá cấp huyện gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch UBND cấp huyện;
- Phó Chủ tịch Hội đồng: Các Phó Chủ tịch UBND cấp huyện;
- Ủy viên Hội đồng kiêm thư ký: Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện;
- Các Ủy viên Hội đồng gồm đại diện lãnh đạo các cơ quan: Văn phòng HĐND-UBND, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Tư pháp, Phòng Văn hóa - thông tin, Phòng Kinh tế hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra và một số cơ quan có liên quan.

Mời: Thường trực HĐND, lãnh đạo Ban Tổ chức, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn lao động cùng cấp tham gia Hội đồng.

- Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng.

b) Căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 6 của Quy định này, UBND cấp huyện tiến hành họp, xem xét, đánh giá, tự chấm điểm xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của UBND cấp huyện. Lập hồ sơ gửi về Hội đồng đánh giá cấp tỉnh theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

3. Thẩm định của Tổ thẩm định:

a) Sở Nội vụ chủ trì, tổ chức họp Tổ thẩm định để thẩm định kết quả tự đánh giá của UBND cấp huyện. Việc thẩm định được thực hiện trên cơ sở kết quả tự chấm điểm, tài liệu kiểm chứng, kết quả tổng hợp, theo dõi của ngành. Từng thành viên Tổ thẩm định cho ý kiến về mức độ hoàn thành các mục tiêu kế hoạch, số điểm mà

UBND cấp huyện đạt được đối với từng tiêu chí trong phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quy định này. Trong quá trình thẩm định, ngoài việc đối chiếu hồ sơ, tài liệu với kết quả tự chấm điểm của UBND cấp huyện; trong trường hợp cần thiết, Tổ thẩm định có thể tổ chức khảo sát, kiểm tra trực tiếp tại một số UBND cấp huyện.

Kết quả đánh giá của Tổ thẩm định được lập thành văn bản (đối với những nội dung trừ điểm phải nêu rõ lý do và được thống nhất chung trong Tổ);

b) Căn cứ kết quả đánh giá của Tổ thẩm định, Sở Nội vụ trình Hội đồng đánh giá cấp tỉnh xem xét quyết định. Việc trừ điểm đối với từng nội dung thuộc từng tiêu chí phải được nêu lý do, lý giải rõ ràng (được nêu trong quyết định xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ năm).

4. Đánh giá của Hội đồng đánh giá cấp tỉnh:

Hội đồng đánh giá cấp tỉnh họp, xem xét hồ sơ đề nghị đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của UBND cấp huyện, ý kiến của Tổ thẩm định, thảo luận và quyết định số điểm, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ của UBND cấp huyện, trình UBND tỉnh công nhận kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của UBND các huyện, thành phố.

Điều 8. Thẩm quyền công nhận kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của UBND cấp huyện

UBND tỉnh công nhận kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của UBND cấp huyện theo đề nghị của Hội đồng đánh giá cấp tỉnh.

Điều 9. Hội đồng đánh giá cấp tỉnh và Tổ thẩm định

1. Thẩm quyền thành lập:

UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng đánh giá cấp tỉnh và Tổ thẩm định.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá cấp tỉnh gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch UBND tỉnh;

b) Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng: Giám đốc Sở Nội vụ;

c) Các Ủy viên Hội đồng, gồm: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Chánh Thanh tra tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải - Xây dựng; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh.

3. Tổ thẩm định, giúp việc Hội đồng đánh giá cấp tỉnh:

Do Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu, trình UBND tỉnh Quyết định.

Điều 10. Hồ sơ và thời gian nộp hồ sơ đề nghị công nhận kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của UBND cấp huyện

1. Hồ sơ đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm, gồm:

a) Báo cáo kết quả công tác năm của UBND cấp huyện;

b) Báo cáo kết quả tự chấm điểm và biểu điểm kèm theo (Phụ lục số 01, kèm theo Quy định này) của UBND cấp huyện.

c) Tài liệu kiểm chứng, danh mục các tài liệu kiểm chứng để phục vụ cho việc chấm điểm (kế hoạch, quy chế, các báo cáo có số liệu cụ thể về chỉ số kết quả đạt được; bảng kê số thứ tự, tên loại văn bản, ngày tháng năm ban hành,...). Nội dung nào thiếu tài liệu kiểm chứng coi như không thực hiện và không chấm điểm;

d) Văn bản đề nghị UBND tỉnh công nhận kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của UBND cấp huyện.

2. Thời gian nộp hồ sơ và ban hành quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại:

a) UBND các cấp huyện gửi hồ sơ tự đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm đến các cơ quan, đơn vị: Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Vận tải - Xây dựng; Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh (mỗi cơ quan 01 bộ) trước ngày 05/01 của năm liền kề kế tiếp, để thẩm định;

b) Tổ thẩm định thực hiện việc tổng hợp, thẩm định, lập hồ sơ trình Hội đồng đánh giá cùng cấp trước ngày 15 tháng 01 của năm liền kề kế tiếp với năm UBND cấp huyện đề nghị đánh giá, xếp loại.

c) Việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của UBND cấp huyện được thực hiện xong trước ngày 20 tháng 01 của năm liền kề kế tiếp với năm UBND cấp huyện đề nghị đánh giá, xếp loại.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Phân công nhiệm vụ cho các cơ quan thẩm định, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hằng năm của UBND cấp huyện:

a) Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng đánh giá cấp tỉnh: đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ (nhiệm vụ thường xuyên)...; chương trình tổng thể cải cách hành chính; kết quả đánh giá nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện; công tác Xây dựng Chính quyền; Công tác Tôn giáo...; Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Tổ giúp việc Hội đồng đánh giá cấp tỉnh.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư: đánh giá việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình, đề án, dự án..., tại địa phương;

c) Sở Tài chính: đánh giá tình hình chấp hành dự toán ngân sách, quyết toán ngân sách địa phương; thực hiện các báo cáo về tài chính - ngân sách, quản

lý tài sản, giá, đầu tư, thực hành tiết kiệm chống lãng phí và các báo cáo khác có liên quan được giao cho Sở Tài chính chủ trì, theo dõi, tổng hợp.

d) Văn phòng UBND tỉnh: đánh giá việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng Nông thôn mới; theo dõi thực hiện Kết luận, chỉ đạo điều hành của Chủ tịch UBND tỉnh...;

đ) Sở Thông tin và Truyền thông: đánh giá kết quả thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động của UBND cấp huyện gắn với việc áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008;

e) Thanh tra tỉnh: đánh giá việc thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng;

g) Sở Tài nguyên và Môi trường: đánh giá việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về quản lý, sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường;

h) Sở Giao thông vận tải - Xây dựng: đánh giá việc thực hiện công tác quản lý nhà nước trong hoạt động xây dựng, quản lý đô thị;

k) Bộ Chỉ huy Quân sự, Công an tỉnh: đánh giá việc đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện, thành phố;

l) Các cơ quan thẩm định có trách nhiệm cử công chức tham gia Tổ thẩm định, giúp việc Hội đồng cấp tỉnh theo đề nghị của Sở Nội vụ.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

a) Các cơ quan thẩm định có trách nhiệm hướng dẫn, triển khai thực hiện Quy định có nội dung liên quan đến lĩnh vực ngành phụ trách; tổ chức giám sát, đánh giá theo thẩm quyền. Đề xuất với Hội đồng đánh giá cấp tỉnh các biện pháp nâng cao chất lượng đánh giá để hệ thống đánh giá đảm bảo chính xác, khách quan;

b) Sở Nội vụ tổng hợp kết quả đánh giá xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ hằng năm của UBND cấp huyện làm căn cứ xét thi đua khen thưởng đối với tập thể và cá nhân lãnh đạo các cơ quan, đơn vị. Không xét thi đua khen thưởng đối với tập thể và cá nhân lãnh đạo các đơn vị không đánh giá xếp loại hoặc có kết quả đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ;

c) UBND, Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này; tổ chức triển khai việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hằng năm và lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền công nhận đảm bảo thời gian theo quy định.

Điều 12. Kiểm tra, giám sát

1. Hội đồng đánh giá cấp tỉnh, các cơ quan thẩm định kế hoạch và Tổ thẩm định có trách nhiệm thực hiện việc giám sát, đánh giá, kiểm tra kết quả thực hiện Quy định này đối với UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

2. Khi cần thiết, Hội đồng đánh giá cấp tỉnh phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc giám sát, đánh giá, kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ hằng năm của UBND cấp huyện. Đồng thời có biện pháp giải quyết tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, hoặc kiến nghị cấp có

thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với các tổ chức, cá nhân có vi phạm theo quy định của Pháp luật.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, các ngành có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này, kịp thời tổng hợp những vấn đề vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. *hs*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong

PHỤ LỤC SỐ 01
Triều chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp huyện
(Kèm theo Quyết định số 41 /2018/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Lào Cai)

S T T	Tiêu chí	Điểm chuẩn	UBND cấp huyện tự chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
I.	Đánh giá thực hiện đăng ký Kế hoạch công tác năm và việc thực hiện kết luận, chỉ đạo điều hành của Chủ tịch UBND tỉnh	06			
1	Thực hiện đầy đủ, kịp thời việc đăng ký Kế hoạch công tác năm và dự kiến kết quả đạt được, chấm 03 điểm; thiếu 01 nội dung chấm 02 điểm; thiếu 02 nội dung, chấm điểm không.	03			
2	Thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ các kết luận, chỉ đạo điều hành của Chủ tịch UBND tỉnh <i>Mỗi nội dung chỉ đạo thực hiện chậm trừ 01 điểm;</i>	03			
II.	Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ chính trị và đảm bảo việc thi hành Hiến pháp và pháp luật; thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, Dự án, Đề án... và chấp hành chế độ thông tin, báo cáo theo quy định	19			
1.	Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành các nhiệm vụ về tổ chức và đảm bảo việc thi hành Hiến pháp và pháp luật, xây dựng chính quyền, địa giới hành chính, dân tộc, tôn giáo (Mỗi nội dung thiếu, trừ 01 điểm).	05			
2.	Thực hiện đảm bảo các Chương trình, kế hoạch, Dự án, Đề án... và chế độ thông tin báo cáo theo quy định, chấm 10 điểm; Có văn bản của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền nhắc nhở, mỗi lần trừ 02 điểm; thiếu 01 trong các báo cáo (tháng, quý, 06 tháng, 01 năm) trừ 01 điểm.	09			
3.	Thực hiện đảm bảo công tác quản lý nhà nước về quản lý, sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường, chấm 2,5 điểm; Mỗi một nội dung vi phạm quy định về quản lý, sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường, trừ 01 điểm.	2,5			
4.	Thực hiện đảm bảo công tác quản lý nhà nước trong hoạt động xây dựng, quản lý đô thị, chấm 2,5 điểm; Mỗi một nội dung vi phạm quy định về quản lý, sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường, trừ 01 điểm.	2,5			
III.	Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh	10			

1.	Thường xuyên làm tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh và tuyên truyền, giáo dục thi hành đúng pháp luật, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.	01			
2.	Làm tốt công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh; trong quy hoạch xây dựng, bảo vệ công trình quốc phòng.	02			
3.	Quan tâm chỉ đạo nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; nâng cao chất lượng luyện tập, diễn tập các cấp; hoàn thành chỉ tiêu về tuyển quân, đảm bảo chất lượng; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội; thường xuyên chăm lo xây dựng, huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên ở cấp huyện và cơ sở, đảm bảo phát huy hiệu quả khi cần thiết; xây dựng, củng cố, kiện toàn và phát huy vai trò, hiệu quả của lực lượng Công an xã, Bảo vệ dân phố và các tổ chức quần chúng làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh trật tự ở cơ sở.	03			
4.	Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện, thành phố	04			
a)	Không để xảy ra tình trạng hoạt động tôn giáo trái pháp luật, tranh chấp, khiếu kiện vượt cấp, kéo dài...	02			
b)	Không để xảy ra các vụ phạm pháp hình sự rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng; các vụ việc được dư luận quan tâm	01			
c)	Không để xảy ra các vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng; các vụ cháy, nổ lớn gây thiệt hại về người và tài sản.	01			
IV.	Kết quả tổ chức thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, thành phố đã được UBND tỉnh giao và HĐND cùng cấp thông qua	45			
1.	Sản xuất Nông, Lâm nghiệp...; chăn nuôi, thủy sản	05			
a)	Giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích (ha) canh tác	02			
	Hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao, chấm 02 điểm; hoàn thành từ 80 đến dưới 100% kế hoạch, chấm 01 điểm; hoàn thành dưới 80%, chấm điểm không.				
b)	Tỷ lệ che phủ rừng	01			
	Hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao, không để xảy ra cháy rừng, phá rừng trái phép, chấm 01 điểm; hoàn thành dưới 100% hoặc để xảy ra cháy rừng, phá rừng trái phép, chấm điểm không.				
c)	Tổng số dân gia súc chủ yếu	01			
	Hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao, chấm 01 điểm; hoàn thành dưới 100%, chấm				

	điểm không.					
d)	Tổng sản lượng cây lương thực có hạt và giá trị đơn vị trên diện tích đất canh tác Hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao, chấm 01 điểm; hoàn thành dưới 100%, chấm điểm không.	01				
2.	<i>Công tác xây dựng Nông thôn mới</i>	05				
a)	Số xã đạt chuẩn Nông thôn mới	03				
	Hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao, chấm 03 điểm; hoàn thành từ 80 đến dưới 100% kế hoạch, chấm 01 điểm; hoàn thành dưới 80%, chấm điểm không.					
b)	Duy trì đạt chuẩn Nông thôn mới đối với xã đạt chuẩn Nông thôn mới	02				
3.	<i>Giá trị sản xuất công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản, thương mại, dịch vụ, du lịch,</i>	05				
	Hoàn thành chỉ tiêu Kế hoạch nhà nước giao đạt 100% trở lên, chấm 05 điểm; Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% chỉ tiêu Kế hoạch giao, chấm 03 điểm; hoàn thành dưới 80% kế hoạch, chấm 01 điểm.					
4.	<i>Y tế</i>	05				
a)	Xã phần đầu đạt và xã duy trì đạt tiêu chí quốc gia về y tế	01				
	Hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao, chấm 01 điểm; hoàn thành dưới 100%, chấm điểm không.					
b)	Chỉ tiêu bao phủ BHYT trên địa bàn	01				
	Hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao, chấm 01 điểm; hoàn thành dưới 100%, chấm điểm không.					
c)	Giảm tỷ lệ sinh (giảm tỷ suất sinh thô)	01				
	Hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao, chấm 01 điểm; hoàn thành dưới 100%, chấm điểm không.					
d)	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ	01				
	Hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao, chấm 01 điểm; hoàn thành dưới 100%, chấm điểm không.					
d)	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng/tuổi	01				
	Hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao, chấm 01 điểm; hoàn thành dưới 100%, chấm điểm không.					

5.	<i>Giáo dục - Đào tạo</i>		05		
a)	Công tác xây dựng, duy trì trường học đạt chuẩn quốc gia		02		
	Hoàn thành 100% chỉ tiêu đặt ra trong công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia tại địa phương, chấm 02 điểm; hoàn thành từ 70% đến dưới 100%, chấm 01 điểm; hoàn thành dưới 70%, chấm điểm không.				
b)	Công tác huy động người học đến trường		1,5		
	Hoàn thành 100% chỉ tiêu đặt ra trong công tác huy động người học từ 05 đến 14 đi học, chấm 1,5 điểm; hoàn thành từ 70% đến dưới 100%, chấm 01 điểm; hoàn thành dưới 70%, chấm điểm không.				
c)	Chất lượng giáo dục		1,5		
	Hoàn thành 100% chỉ tiêu đặt ra về chất lượng chăm sóc, giáo dục đối với người học tại địa phương, chấm 1,5 điểm; hoàn thành từ 70% đến dưới 100%, chấm 01 điểm; hoàn thành dưới 70%, chấm điểm không.				
6.	<i>Phát triển sự nghiệp Văn hóa</i>		05		
a)	Gia đình văn hóa		02		
	Hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao, chấm 02 điểm; hoàn thành từ 80 đến dưới 100% kế hoạch, chấm 01 điểm; hoàn thành dưới 80%, chấm điểm không.				
b)	Thôn, tổ dân phố văn hóa		02		
	Hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao, chấm 02 điểm; hoàn thành từ 80 đến dưới 100% kế hoạch, chấm 01 điểm; hoàn thành dưới 80%, chấm điểm không.				
c)	Thiết chế văn hóa cấp cơ sở (thôn, bản)		01		
7.	<i>Lao động, giảm nghèo</i>		05		
a)	Tỷ lệ giảm nghèo trong năm		03		
	Hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao, chấm 03 điểm; hoàn thành từ 80 đến dưới 100% kế hoạch, chấm 01 điểm; hoàn thành dưới 80%, chấm điểm không.				
b)	Số lao động có việc làm tăng thêm trong năm		02		
	Hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao, chấm 02 điểm; hoàn thành từ 80 đến dưới 100% kế hoạch, chấm 01 điểm; hoàn thành dưới 80%, chấm điểm không.				
8.	<i>Thu, chi ngân sách</i>		10		
a)	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn		05		
	Hoàn thành chỉ tiêu Kế hoạch nhà nước giao đạt 100% trở lên, chấm 05 điểm; Hoàn thành dưới 100% chỉ tiêu Kế hoạch giao, chấm 02 điểm.				
b)	Thu, chi ngân sách địa phương		05		

	Hoàn thành chỉ tiêu Kế hoạch nhà nước giao đạt 100% trở lên, chấm 05 điểm; Hoàn thành dưới 100% chỉ tiêu Kế hoạch giao, chấm 02 điểm.				
V.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động trong các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện quản lý gắn với việc áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008	05			
1.	Xếp hạng mức độ cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Cổng thông tin Điện tử thành viên	2,5			
	Điểm đánh giá được tính trên cơ sở kết quả đánh giá năm về mức độ Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Cổng thông tin Điện tử thành viên do Văn phòng UBND tỉnh đánh giá: - Đạt mức tốt, chấm 2,5 điểm - Đạt mức khá, chấm 02 điểm - Đạt mức trung bình, chấm 01 điểm - Kém, chấm điểm không.				
2.	Xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước	2,5			
	Điểm đánh giá được tính trên cơ sở kết quả đánh giá xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước hằng năm do Sở Thông tin và Truyền thông đánh giá: - Đạt mức tốt, chấm 2,5 điểm - Đạt mức khá, chấm 02 điểm - Đạt mức trung bình, chấm 01 điểm - Kém, chấm điểm không.				
VI.	Kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	05			
1.	Xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định của Luật Thanh tra và văn bản hướng dẫn thi hành, chấm 0,5 điểm; Tổ chức thực hiện và hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra trong năm, chấm 0,5 điểm; Báo cáo kết quả xử lý những vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra đúng thời gian quy định, chấm 01 điểm.	02			
2.	Tổ chức và thực hiện việc tiếp công dân đảm bảo theo quy định	01			
3.	Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền và khi được giao đúng quy định của pháp luật. (Không có đơn thư khiếu nại, tố cáo được chấm 01 điểm; có	01			

	đơn thư khiếu nại, tố cáo vượt cấp, có vụ việc nổi cộm liên quan đến công tác khiếu nại, tố cáo, chấm điểm không).					
4.	Thực hiện đảm bảo các quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị (trong đó có công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác quản lý tài chính, tài sản; việc thực hiện quy chế dân chủ, văn hóa công sở...): Báo cáo đúng mẫu biểu, chấm 0,5 điểm; Báo cáo đúng thời gian quy định, chấm 0,5 điểm; không có báo cáo, chấm điểm không.	01				
VII.	Thực hiện tổng thể Chương trình cải cách hành chính	05				
	Căn cứ kết quả đánh giá hàng năm của UBND tỉnh, UBND cấp huyện được đánh giá đạt loại tốt, chấm 05 điểm; đạt loại khá, chấm 03 điểm; đạt loại trung bình, chấm 01 điểm; đạt loại yếu, chấm điểm không.					
VIII.	Kết quả đánh giá nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện	05				
1.	Các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện trong năm được đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từ 80% trở lên, chấm 2,5 điểm; Dưới 80%, chấm 01 điểm; Có đơn vị trực thuộc không hoàn thành nhiệm vụ, không chấm điểm.	2,5				
2.	Số lượng chính quyền cơ sở trong năm được đánh giá trong sạch, vững mạnh đạt tỷ lệ từ 80% trở lên, chấm 2,5 điểm; Dưới 80%, chấm 01 điểm; Có chính quyền cơ sở yếu, chấm điểm không.	2,5				
	Tổng cộng	100				